

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 13 - 7- 2020

*“V/v Tranh chấp thừa kế tài sản,
chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Trường Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Nga và ông Phạm Quốc Trung

Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc: “Chia di sản thừa kế và chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Bùi Thị **L**, sinh năm 1940

Địa chỉ: Tổ 03, phố **Ng**, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh **H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: SN 45, nhóm 7, tổ 03, phường **TH**, TP Sơn La, tỉnh Sơn La.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh **S**, SN 1961

Địa chỉ: Tổ 03, phố **Ng**, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Ông Nguyễn Hồng **Q1**, SN 1962

Địa chỉ: Tổ 01, phường **CS**, TP Sơn La, tỉnh Sơn La.

Ông **S** có mặt tại phiên tòa. Chị **H** vắng mặt không có lý do. Cụ **L**, ông **Q1** có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn cụ Bùi Thị **L** trình bày:*

Cụ Bùi Thị **L**, sinh năm 1940 và cụ Nguyễn Văn **Q**, sinh năm 1942 kết hôn năm 1959, sinh được 03 người con là: Nguyễn Thanh **S**, sinh năm 1961, Nguyễn Hồng **Q1**, sinh năm 1962 và Nguyễn Kiểm **V**, sinh năm 1966. Ngoài ra cụ **L** và cụ **Q** không có bố mẹ nuôi, con nuôi hoặc con ngoài giá thú nào khác.

Năm 2001 gia đình cụ có mua 01 gian nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 64m² tại tổ 03, phố Ngọc, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình của ông Trần Đăng **L1**, địa chỉ: SN 25, tổ 15, phường **ĐT**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Ngày 28/01/2002 thì gia đình cụ được UBND huyện **KS** cấp GCNQSD đất số R 436170, vào sổ cấp GCNQSD đất số: 01605 QSDĐ/KS tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 41, diện tích 64m². Tên chủ sử dụng đất: Hộ bà Bùi Thị **L**.

Năm 1999 ông **V** chết. Năm 2012 thì cụ **Q** chết. Cả ông **V** và cụ **Q** khi chết đều không để lại di chúc. Đối với ông **V** kết hôn với bà Phạm Văn **S1** (**T**) và sinh được 01 người con là Nguyễn Thanh **H**, sinh năm 1994.

Nay do cụ **L** muốn đổi giấy chứng nhận QSD đất từ hộ gia đình sang tên cá nhân của cụ nhưng cháu Nguyễn Thanh **H** (con đẻ ông **V**) không có ý kiến gì, gây khó khăn nên cụ **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của cụ và cụ **Q**, đồng thời chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn **Q** cho các hàng thừa kế.

*Tại các bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh **S**, ông Nguyễn Hồng **Q1** trình bày:*

Thông nhất với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, huyết thống, nguồn gốc tài sản và số lượng của hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị.

Bố mẹ các ông sinh được 03 người con: Nguyễn Thanh **S**, sinh năm 1961, Nguyễn Hồng **Q1**, sinh năm 1962 và Nguyễn Kiểm **V**, sinh năm 1966.

Năm 1999 ông **V** chết. Ông **V** có 01 người con là cháu Nguyễn Thanh **H**, sinh năm 1994. Năm 2012 thì cụ **Q** chết. Cả ông **V** và cụ **Q** khi chết đều không để lại di chúc.

Tài sản chung của bố mẹ các ông xây dựng được là: Diện tích đất 64m² tại tổ 03, phố Ngọc, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 41, diện tích 64m². Tên chủ sử dụng đất: Hộ bà Bùi Thị **L**) và tài sản trên đất là 01 gian nhà cấp 4 diện tích 31,16m² được xây dựng năm 1993, được ông Nguyễn Thanh **S** sửa chữa, nâng cấp năm 2002.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn các ông hoàn toàn đồng ý. Cả ông **S** và ông **Q1** đều đồng ý nhận phần di sản thừa kế của cụ **Q** để lại và tặng cho lại cụ **L** toàn bộ kỷ phần của các ông được hưởng.

Việc thẩm định và định giá tài sản nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều nhất trí và không có ý kiến gì.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thanh H: Tòa án nhân dân TP Hòa Bình đã nhiều lần triệu tập theo địa chỉ: số nhà 45, nhóm 7, tổ 03, phường **TH**, TP Sơn La, tỉnh Sơn La nhưng chị **H** không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Nên ngày 20/4/2020 Tòa án đã ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số: 04/2020/QĐ-UTTA để Tòa án nhân dân TP Sơn La tiến hành lấy lời khai, ý kiến của chị **H** cũng như tổng đạt các văn bản tố tụng.

Kết quả ủy thác thể hiện: Chị **H** hiện không có mặt tại địa phương, đang đi học nâng cao tại Hà Nội ở đâu không rõ địa chỉ. Chị **H** có hộ khẩu thường trú tại số nhà 45, nhóm 7, tổ 03, phường **TH**, TP Sơn La, tỉnh Sơn La, hiện chưa chuyển khẩu hay tạm trú đi nơi khác. Bà Phạm Vân **S1 (T)** là mẹ đẻ chị **H** có cho số điện thoại để Tòa án liên hệ nhưng không được. Do vậy Tòa án thành phố Hòa Bình phải tiến hành thủ tục niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thanh **H** để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Nguyên đơn cụ **L** đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do tuổi cao sức yếu, hơn nữa bị đơn chị **H** cố tình trốn tránh, gây khó khăn. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được và phải đưa ra xét xử.

Ngày 26/6/2020 vụ án được đưa ra xét xử, bị đơn chị **H** vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn lần thứ nhất. Hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung của cụ Bùi Thị **L** và cụ Nguyễn Văn **Q**; chia di sản thừa kế của cụ **Q** cho các hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị. Về án phí các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về pháp luật tố tụng:

- Nguyên đơn cụ Bùi Thị **L** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng **Q1** đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thanh **H** vắng mặt lần hai không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế tài sản và chia tài sản chung. Tài sản là bất động sản có địa chỉ: Tổ 03, phố **Ng**, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình.

- Theo quy định tại Điều 70 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án, cũng như phải có nghĩa vụ chứng minh. Trong vụ án này Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, cũng như yêu cầu bị đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên bị đơn chị **H** không chấp hành, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Như vậy được coi như từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa chỉ căn cứ vào các chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu mà Tòa án tiến hành xác minh, thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

2] Về nội dung vụ án:

2.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung:

Tài sản là diện tích đất 64m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: tổ 03, phố **Ng**, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Tên chủ sử dụng đất: Hộ bà Bùi Thị **L** được UBND huyện Kỳ Sơn cấp Giấy chứng nhận QSD đất số R 436170, vào sổ cấp GCNQSD đất số: 01605 QSDĐ/KS ngày 28/01/2002 và tài sản trên đất là 01 gian nhà cấp 4 diện tích 31,16m² được xây dựng năm 1993. Nguồn gốc của khối tài sản trên là do cụ **L** và cụ **Q** mua của hộ gia đình ông **L1** năm 2001. Tại thời điểm này các con của cụ là ông Sơn, ông **Q1**, ông **V** đều đã lập gia đình và ra ở riêng không có đóng góp gì trong việc tạo lập khối tài sản trên.

Đối với gian nhà cấp 4 năm 2002 ông Nguyễn Thanh **S** có cải tạo, nâng cấp, sửa chữa. Nay ông **S** không có yêu cầu gì đối với phần đóng góp này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân TP Hòa Bình đã tiến hành thẩm định, định giá đối với khối tài sản trên, kết quả như sau:

- Tài sản là giá trị quyền sử dụng đất: $3.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 64\text{m}^2 = 192.000.000 \text{ đồng}$.

- Tài sản gắn liền với đất là 01 gian nhà cấp 4 diện tích 31,16m², được xây dựng năm 1993 và được sửa chữa nâng cấp năm 2002 có giá trị là: 46.598.000 đồng.

Tổng cộng giá trị đất và tài sản trên đất là: 238.598.000 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng)

Hội đồng xét xử xác định khối tài sản trên là do cụ Bùi Thị **L** và cụ Nguyễn Văn **Q** làm ra với công sức đóng góp là như nhau, do vậy cụ **L** được hưởng $\frac{1}{2}$ trong khối tài sản trên tương đương số tiền là 119.299.000 đồng.

2.2. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ **Q** để lại.

Cụ Nguyễn Văn **Q** chết năm 2012, không để lại di chúc, do đó việc chia di sản được thực hiện theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất được xác định gồm có: cụ Bùi Thị **L**; ông Nguyễn Thanh **S** và ông Nguyễn Hồng **Q1**. Năm 1999 ông Nguyễn Kiềm **V** chết (chết trước cụ **Q**) do đó người thừa kế thế vị được xác định là chị Nguyễn Thanh **H** (còn để duy nhất của ông **V**).

Khối di sản thừa kế của cụ **Q** để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích nhà và đất thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: tổ 03, phố **Ng**, xã **TM**, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình tương đương với giá trị tài sản là 119.299.000 đồng. Nay được chia đều cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và 01 người thừa kế thế vị, mỗi người được hưởng, tương đương với số tiền là: 29.824.750 đồng.

Trong vụ án này di sản thừa kế được xác định là diện tích đất 32m² và tài sản trên đất, nếu chia bằng đất thì mỗi người không đủ điều kiện để tách thửa. Hơn nữa cụ **L** là người trực tiếp ở trên lô đất và có nhu cầu, nguyện vọng được sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Xét nguyện vọng trên là phù hợp, nên cần chấp nhận.

Cụ Bùi Thị **L** có nghĩa vụ trích, chia kỷ phần di sản thừa kế của cụ **Q** để lại cho các hàng thừa kế thứ nhất cho 02 người con là ông **S**, ông **Q1** và người thừa kế thế vị là chị **H**, tương đương mỗi người được hưởng là 29.824.750 đồng.

Ông Nguyễn Thanh **S** và ông Nguyễn Hồng **Q1** đồng ý nhận kỷ phần di sản thừa kế nhưng tặng cho lại cụ **L**. Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung này.

3] Về chi phí tố tụng khác: Các chi phí cho việc thẩm định, định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chi trả nên Tòa không xét.

4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần được hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với cụ Bùi Thị **L** hiện đã hơn 80 tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 212, 213, 219, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn cụ Bùi Thị **L** về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

- Giao cho cụ Bùi Thị **L** quyền sử dụng 64m² đất và quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 diện tích 31,16m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 41, địa chỉ: tổ 03, phố **Ng**, xã **TM**, TP Hòa Bình (Diện tích đất trên đã được UBND huyện Kỳ Sơn cấp Giấy chứng nhận QSD đất số R 436170, vào sổ cấp GCNQSD đất số: 01605 QSDĐ/KS ngày 28/01/2002).

- Cụ Bùi Thị **L** có nghĩa vụ trích, chia di sản thừa kế cho chị Nguyễn Thanh **H** số tiền là 29.824.750 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh **S** và ông Nguyễn Hồng **Q1** về việc đồng ý nhận di sản thừa kế và tặng cho lại cụ Bùi Thị **L**.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Bùi Thị **L** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cụ **L** được nhận lại số tiền 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS thành phố Hòa Bình, theo biên lai số: 0006695, ngày 04/3/2020.

- Chị Nguyễn Thanh **H** phải nộp 1.491.237 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh **S** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn cụ Bùi Thị **L**, bị đơn chị Nguyễn Thanh **H**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng **Q1** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- VKSND TPHB;
- Chi cục THADS TPHB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Trường Sơn

